

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NAM PHÙ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGŨ HIỆP**

-----o0o-----



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH LỚP 7
QUA CÁC TIẾT HỌC VĂN BẢN THÔNG TIN**

Môn : Ngữ Văn

Cấp học : THCS

Tên tác giả : Trương Thanh Hằng

Đơn vị công tác: Trường THCS Ngũ Hiệp

Chức vụ: : Giáo viên

Năm học: 2025 - 2026

MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. Lý do chọn đề tài	1
II. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
III. Đối tượng nghiên cứu	3
IV. Phạm vi nghiên cứu	3
V. Phương pháp nghiên cứu.....	4
VI. Cấu trúc của biện pháp.....	4
B. PHẦN NỘI DUNG	5
CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	5
I. Cơ sở lý luận.....	5
1. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực	5
2. Dạy học phát triển năng lực tự học	5
II. Cơ sở thực tiễn.....	6
1. Lợi ích của việc dạy học phát triển năng lực tự học	6
2. Thực trạng dạy học.....	7
CHƯƠNG II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP	9
I. Tự học tại nhà	9
II. Tự học trên lớp	10
CHƯƠNG III. VẬN DỤNG.....	11
I. Địa điểm thực nghiệm.....	11
II. Thời gian thực nghiệm	11
III. Khách thể thực nghiệm.....	11
IV. Vận dụng thực hành thiết kế bài học và tổ chức dạy học.....	11
1. Cách thức tiến hành	11
2. Một số giờ học cụ thể áp dụng các biện pháp nhằm phát huy năng lực tự học cho học sinh.....	11
V. Kết quả thực nghiệm.....	28
C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	30
I. Kết luận.....	30
II. Khuyến nghị.....	30

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chú ý đến tính chất công cụ thẩm mỹ, nhân văn; chú trọng mục tiêu và giải pháp giúp học sinh phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực; kết hợp phát triển các năng lực chung (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) với phát triển các năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học,...); kết hợp phát triển năng lực với phát triển phẩm chất. Thông qua các văn bản ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói, nghe, môn Ngữ văn giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cốt lõi để học tập các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả và để học suốt đời.

Hơn nữa, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng sức mạnh nội lực – năng lực tự học của con người. Nghị quyết Trung ương II khóa VIII đã khẳng định: “Đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học; từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến, hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tập trung nâng cao chất lượng, phát triển phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên, rộng khắp trong toàn dân, nhất là thanh niên...”. Muốn thực hiện được điều này, trong dạy học hiện nay, một trong những mục tiêu quan trọng là phải hình thành phương pháp tự học ở người học. Học sinh không chỉ học tri thức của mà còn học cả cách tìm ra tri thức và những kỹ năng cần thiết để có thể tự học tập một cách tích cực, chủ động và độc lập. Như vậy, có thể nói tự học là một trong những kỹ năng quan trọng của giáo dục, là năng lực cần có của mỗi học sinh. Đặc biệt, đối với chương trình phổ thông mới thì việc tự học là một trong năng lực quan trọng và cần thiết đối với học sinh.

Theo NS.NGND Nguyễn Cảnh Toàn đưa ra quan niệm về năng lực tự học như sau: “*Năng lực tự học được hiểu là một thuộc tính kỹ năng rất phức hợp. Nó bao gồm kỹ năng và kỹ xảo cần gắn bó với động cơ và thói quen tương ứng, làm cho người học có thể đáp ứng được những yêu cầu mà công việc đặt ra*” [Nguyễn Cảnh Toàn (2002), Học và dạy cách học; Nguyễn Cảnh Toàn (2009), Tự học như thế nào cho tốt]. Năng lực tự học là sự bao hàm cả cách học, kỹ năng học và nội dung học: “*Năng lực tự học là sự tích hợp tổng thể cách học và kỹ năng tác động đến nội dung trong hàng loạt tình huống – vấn đề khác nhau*” [Nguyễn Cảnh Toàn (2009), Tự học như thế nào cho tốt].

Năng lực tự học là những thuộc tính tâm lí mà nhờ đó chúng ta giải quyết được các vấn đề đặt ra một cách hiệu quả nhất, nhằm biến kiến thức của nhân loại thành sở hữu của riêng mình.

Trên thực tế năng lực tự học của học sinh chưa được phát huy tốt, nhiều học sinh vẫn học thụ động hoặc học máy móc, sao chép trên mạng. Đặc biệt trong quá trình học ở nhà, nhiều học sinh không cần đọc bài mà vẫn có thể trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa bởi các em có thể tra cứu đáp án trên mạng hoặc các sách tham khảo khác.

Năm học 2025 – 2026, tôi được Ban giám hiệu phân công dạy môn Ngữ văn lớp 7. Trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy, tôi nhận thấy năng lực tự học sẽ giúp các em chủ động lĩnh hội kiến thức; thông qua hoạt động tự học tại nhà các em thỏa sức sáng tạo, có nhiều thời gian tìm tòi, khám phá những kiến thức trong và ngoài sách giáo khoa. Vì thế tôi đã mạnh dạn đưa nhiều biện pháp để phát huy năng lực tự học của học sinh lớp 7 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đã bước đầu nhận thấy có sự chuyển biến tích cực trong thái độ, ý thức học tập và khả năng tiếp nhận của các em học sinh. Đây chính là động lực thôi thúc tôi hoàn thành sáng kiến kinh nghiệm ***“Một số giải pháp phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 7 qua các tiết học Văn bản thông tin”***.

II. Mục tiêu nghiên cứu

1. Làm rõ cơ sở lí luận về năng lực tự học của học sinh trung học cơ sở, đặc biệt là học sinh lớp 7; xác định các biểu hiện cụ thể của năng lực tự học trong môn Ngữ văn, nhất là khi tiếp cận các văn bản thông tin (khả năng tự tìm kiếm, xử lí thông tin, ghi chép, đặt câu hỏi, tự đánh giá,...).
2. Phân tích đặc trưng của kiểu văn bản thông tin trong chương trình Ngữ văn 7 và những yêu cầu cần đạt theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; từ đó xác định những cơ hội và điều kiện thuận lợi để rèn luyện năng lực tự học cho học sinh thông qua dạng văn bản này.
3. Khảo sát và đánh giá thực trạng:
 - Mức độ hình thành năng lực tự học của học sinh lớp 7 (ý thức tự học, phương pháp tự học, khả năng tự chiếm lĩnh tri thức).
 - Thực trạng tổ chức dạy học Văn bản thông tin của giáo viên (phương pháp, hình thức, mức độ phát huy tính chủ động của học sinh).
 - Những khó khăn, hạn chế của học sinh trong quá trình tự học khi học Văn bản thông tin.

4. Xây dựng hệ thống các giải pháp cụ thể nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 7 qua các tiết học Văn bản thông tin, bao gồm:

- Thiết kế nhiệm vụ học tập theo hướng định hướng – gợi mở.
- Tổ chức hoạt động trước – trong – sau giờ học nhằm hình thành thói quen tự học.
- Hướng dẫn học sinh sử dụng các kỹ thuật học tập (sơ đồ tư duy, ghi chép, đặt câu hỏi, tìm kiếm và xử lý thông tin).
- Kết hợp linh hoạt giữa học cá nhân và học tập hợp tác để hỗ trợ tự học.

5. Tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp đã đề xuất thông qua việc so sánh kết quả học tập, mức độ chủ động và năng lực tự học của học sinh trước và sau khi áp dụng.

6. Đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Văn bản thông tin theo định hướng phát triển năng lực tự học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở trung học cơ sở.

III. Đối tượng nghiên cứu

- Các biểu hiện của năng lực tự học ở học sinh lớp 7 khi học Văn bản thông tin (khả năng tự chuẩn bị bài, tự tìm kiếm và xử lý thông tin, ghi chép, đặt câu hỏi, tự đánh giá kết quả học tập,...).
- Quá trình tổ chức hoạt động dạy học của giáo viên nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh trong các tiết học Văn bản thông tin.
- Hệ thống các biện pháp, kỹ thuật dạy học tác động đến việc hình thành và nâng cao năng lực tự học cho học sinh.- Đối tượng: Đề tài tập trung việc vận dụng dạy học phát triển năng lực tự học của học sinh thông qua các tiết học văn bản thông tin.

IV. Phạm vi nghiên cứu

1. Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các giải pháp phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 7 thông qua việc dạy học Văn bản thông tin trong chương trình Ngữ văn THCS. Trong đó chú trọng các hoạt động học tập giúp học sinh hình thành và rèn luyện năng lực tự học như: tự chuẩn bị bài, tự khai thác và xử lý thông tin, tự ghi chép, tự đặt câu hỏi và tự đánh giá kết quả học tập.

2. Về không gian nghiên cứu: Đề tài được triển khai trong phạm vi dạy học môn Ngữ văn tại trường THCS nơi công tác (hoặc lớp 7 của nhà trường), gắn với thực tiễn giảng dạy của giáo viên và học sinh tại đơn vị.

3. Về thời gian nghiên cứu: Đề tài được thực hiện trong năm học 2025 – 2026 bao gồm quá trình khảo sát thực trạng, xây dựng giải pháp, áp dụng thực nghiệm và đánh giá kết quả.

4. Về đối tượng học sinh: Tập trung vào học sinh lớp 7 đang học chương trình Ngữ văn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt trong các tiết học liên quan đến Văn bản thông tin.

V. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp nghiên cứu lí luận:** Thu thập, nghiên cứu và phân tích các tài liệu liên quan đến năng lực tự học, dạy học phát triển năng lực, đặc trưng của văn bản thông tin trong chương trình Ngữ văn THCS; từ đó xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

- **Phương pháp điều tra, khảo sát thực tiễn:** Sử dụng phiếu hỏi, quan sát lớp học, trao đổi với học sinh và giáo viên để tìm hiểu thực trạng năng lực tự học của học sinh lớp 7 và thực trạng dạy học Văn bản thông tin tại nhà trường.

- **Phương pháp quan sát sư phạm:** Quan sát trực tiếp các tiết học Ngữ văn (đặc biệt là tiết Văn bản thông tin) để ghi nhận mức độ tham gia, tính chủ động và khả năng tự học của học sinh trong quá trình học tập.

- **Phương pháp thực nghiệm sư phạm:** Tổ chức dạy học một số tiết Văn bản thông tin có áp dụng các giải pháp đề xuất nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh; sau đó so sánh, đánh giá kết quả trước và sau thực nghiệm để kiểm chứng tính hiệu quả của đề tài.

- **Phương pháp phân tích, tổng hợp:**

Phân tích kết quả khảo sát và thực nghiệm, tổng hợp số liệu, rút ra nhận xét, đánh giá và kết luận về hiệu quả của các giải pháp đã áp dụng.

- **Phương pháp thống kê, xử lí số liệu:**

Sử dụng các số liệu thu được từ khảo sát và thực nghiệm để thống kê, so sánh, từ đó làm căn cứ đánh giá mức độ phát triển năng lực tự học của học sinh.

VI. Cấu trúc của biện pháp

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, phần nội dung của đề tài được chia thành 3 chương.

Chương I. Cơ sở lí luận và thực tiễn.

Chương II. Một số giải pháp để dạy học phát triển năng lực tự học thông qua tiết học văn bản thông tin.

Chương III. Thực hành thiết kế bài học vào tiết học cụ thể.

B. PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

I. Cơ sở lý luận

1. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực

Như chúng ta đều biết và thừa nhận rằng mỗi học sinh là một cá thể độc lập, có sự khác biệt về trình độ, năng lực, nhu cầu, sở thích và nền tảng xuất thân. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực thừa nhận thực tế này và tìm ra được những cách tiếp cận phù hợp nhằm phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất với mỗi học sinh thay vì giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức như ở mô hình dạy học truyền thống.

Theo đó, dạy học theo hướng phát triển năng lực là mô hình dạy học hướng tới mục tiêu phát triển tối đa phẩm chất và năng lực của người học thông qua cách thức tổ chức các hoạt động học tập độc lập, tích cực, sáng tạo của học sinh dưới sự tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ hợp lý của giáo viên. Trong mô hình này, người học có thể thể hiện sự tiến bộ bằng cách chứng minh năng lực của mình. Điều đó có nghĩa là người học phải chứng minh mức độ nắm vững và làm chủ các kiến thức và kỹ năng (được gọi là năng lực); huy động tổng hợp mọi nguồn lực (kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, hứng thú, niềm tin, ý chí, ...) trong một môn học hay bối cảnh nhất định, theo tốc độ của riêng mình.

2. Dạy học phát triển năng lực tự học

Tự học chính là con đường phát triển nội sinh, phát triển năng lực bản thân. Trong thời đại hiện nay, việc dạy học đòi hỏi định hướng cho học sinh cách tự học để học suốt đời.

Trong dạy học, muốn đạt hiệu quả cao phải hướng vào việc phát huy năng lực tự học của học sinh, phải kích thích và tạo động lực cho tự học; phải lấy tự học làm mục tiêu và làm động lực. Muốn tự học có kết quả, người học phải có một số kiến thức và kỹ năng cần thiết, một phần trong đó do nhà trường trang bị, một phần quan trọng hơn là sự học hỏi và rèn luyện thường xuyên của người học.

Để làm được điều này, giáo viên và học sinh cần trải qua các bước sau:



Dạy học theo định hướng phát triển năng lực tự học của học sinh không phải “triệt tiêu” đi vai trò của giáo viên. Giáo viên hiện nay không còn là người truyền thụ kiến thức mà là người hỗ trợ học sinh hướng dẫn tìm chọn và xử lý thông tin.

II. Cơ sở thực tiễn

1. Lợi ích của việc dạy học phát triển năng lực tự học

Dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học tạo ra những giờ học thú vị, sôi động và cuốn hút học sinh vào các hoạt động tìm tòi, khám phá kiến thức. Từ đó phát triển các kỹ năng học tập của học sinh một cách toàn diện để giải quyết vấn đề, tự học và hợp tác cùng tư duy sáng tạo.

Kiến thức được lĩnh hội trong quá trình tự học sẽ giúp học sinh nhớ lâu hơn, chủ động nắm bắt hơn, tránh tình trạng học vẹt, học thuộc lòng. Hơn nữa thông qua quá trình tự học, học sinh cũng đồng thời khám phá chính mình, phát hiện những “khả năng tiềm ẩn” của bản thân. Từ đó khơi gợi hứng thú của học sinh đối với môn học, tự tin hơn trong quá trình học tập.

Thông qua quá trình tự học những học sinh tốt nhất được thoả mãn nhu cầu tri thức, thấy tri thức là một chân trời mới. Còn những học sinh học yếu nhất cũng không thấy bị bỏ rơi, họ cũng tham gia được vào quá trình khám phá cái mới. Điều

này là đặc biệt cần thiết, vì học sinh sẽ hào hứng để đi tìm tri thức chứ không còn bị động, bị nhồi nhét nữa.

2. Thực trạng dạy học

Trong những năm gần đây, việc đổi mới phương pháp dạy học, khuyến khích học sinh tự học được áp dụng phổ biến trong các trường THCS. Tuy nhiên, thực tế việc thực hiện vẫn còn nhiều vấn đề. Tôi đã tiến hành khảo sát thực tiễn 9 giáo viên dạy lớp 7 nói riêng và tổng số 17 giáo viên Ngữ văn tại trường THCS nơi tôi công tác về nhận thức của họ về việc phát triển năng lực tự học thông qua việc đọc hiểu các Văn bản thông tin bằng phiếu điều tra cũng như tham khảo giáo án và giờ dạy. Kết quả thu được như sau:

2.1. Thuận lợi

- Nhà trường trang bị đầy đủ cơ sở vật chất (máy chiếu, loa đài, bảng phụ, bút, nam châm, tranh ảnh,...) để giáo viên và học sinh dạy và học đạt hiệu quả.
- 100% giáo viên ý thức được vai trò của dạy học theo phương pháp hiện đại và có ý thức chuyển đổi từ phương pháp dạy học truyền thống (giảng văn) sang sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực; khuyến khích học sinh tự học.

2.2. Khó khăn, hạn chế

Tuy các phương pháp dạy học hiện đại nói chung và đặc biệt phương pháp dạy học phát triển năng lực tự học nói riêng đã được nghiên cứu và áp dụng từ nhiều năm nay nhưng thực tế áp dụng vào nhà trường vẫn còn một số hạn chế.

** Về phía giáo viên:*

- Giáo viên đã cập nhật những phương pháp, hình thức dạy học mới tuy nhiên việc phối hợp các phương pháp dạy học mới còn chưa linh hoạt, hiệu quả sử dụng các phương pháp dạy học chưa cao.
- Còn một vài giáo viên chưa hiểu rõ các phương pháp dạy học mới, còn lúng túng khi triển khai thực hiện.
- Một số giáo viên còn quá cứng nhắc trong việc hướng dẫn học sinh tự học, chuẩn bị bài ở nhà như: yêu cầu học sinh phải giải toàn bộ bài tập, trả lời hết tất cả các câu hỏi có ở sách giáo khoa không kể khó hay dễ, không quan tâm đến đối tượng học sinh. Giáo viên không định hướng trọng tâm kiến thức, kỹ năng cho học sinh.
- Ngoài ra, giáo viên tuy có hướng dẫn học sinh học ở nhà nhưng lại lỏng lẻo ở khâu kiểm tra: giáo viên chủ yếu kiểm tra số lượng bài tập học sinh hoàn thành mà chưa chú trọng đến chất lượng làm bài của học sinh tạo cơ hội cho các em chép bài theo tài liệu, chép lại bài của bạn để đối phó.

**Về phía học sinh:*

- Nhiều em học sinh còn chưa xác định được vai trò, tầm quan trọng của vấn đề tự học. Chưa xác định chính xác động cơ học tập vì thế chưa nỗ lực, cố gắng hết mình trong quá trình tự học ở nhà.

- Một bộ phận không nhỏ học sinh lười suy nghĩ, học vẹt, không có khả năng vận dụng kiến thức.

- Một số học sinh còn lười, không làm việc theo nhiệm vụ đã giao hoặc làm đối phó, chống đối.

- Khả năng tương tác của học sinh với các phương pháp mới chưa tốt. Học sinh khi bắt đầu tiếp nhận nhiệm vụ còn lúng túng, chưa có nhiều sáng tạo, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm với nhau chưa hài hòa, chưa hiệu quả.

Do đó ***“Một số giải pháp dạy học phát triển năng lực tự học cho học sinh lớp 7 thông qua các tiết học Văn bản thông tin”*** mà cá nhân tôi thực hiện là cần thiết, trên cơ sở những thuận lợi đã có, khắc phục những khó khăn, hạn chế để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

CHƯƠNG II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC THÔNG QUA TIẾT HỌC VĂN BẢN THÔNG TIN

I. Tự học tại nhà

1. Tự học thông qua quá trình làm việc cá nhân

Cuối tiết học trước giáo viên giao nhiệm vụ về nhà cho từng học sinh: ôn lại đặc trưng của thể loại văn học; hoàn thành hệ thống câu hỏi, bài tập để đọc hiểu chuẩn bị bài mới.

Với từng bài, giáo viên nên thiết kế hệ thống câu hỏi để học sinh tự học. Hệ thống câu hỏi đó bao gồm câu hỏi cả những kiến thức bài cũ và cả kiến thức bài mới nhằm giúp học sinh vừa có thể ôn tập, khái quát, luyện tập, vận dụng thực hành kiến thức cũ vừa có những định hướng cho kiến thức trọng tâm của bài mới.

Yêu cầu hệ thống câu hỏi bài tập:

- Đối với việc học bài cũ cần chú trọng phát triển năng lực hệ thống, khái quát, tổng hợp, năng lực giải quyết bài tập, tình huống gắn với thực tế, liên hệ, đối chiếu, so sánh các văn bản thông tin khác (có thể trình bày bằng bảng biểu, sơ đồ tư duy,...).

- Đối với việc chuẩn bị bài mới thì câu hỏi đưa ra cho học sinh vừa có tác dụng tạo sự hứng thú, vừa có tác dụng hướng học sinh đi vào trọng tâm bài học đồng thời có tác dụng chuẩn bị cho hoạt động khám phá của giáo viên và học sinh trên lớp. Cụ thể như đọc trước bài học, trả lời các câu hỏi ở sách giáo khoa hoặc bài tập mà giáo viên yêu cầu.

Giáo viên khuyến khích học sinh đọc, tìm hiểu các tài liệu tham khảo. Giáo viên có thể giới thiệu một số cuốn sách để học sinh tìm đọc hoặc các trang web chính thống, uy tín để học sinh thu thập thông tin. Văn bản thông tin đưa vào sách giáo khoa là các bài báo ngắn gọn vì thế đòi hỏi học sinh phải có vốn kiến thức xã hội; điều này được hình thành qua quá trình tự học ở nhà khi học sinh tìm tòi, nghiên cứu, suy tư,...

2. Tự học thông qua quá trình làm việc nhóm

Cuối tiết học trước hoặc cuối chủ đề bài học trước, giáo viên giao nhiệm vụ làm bài tập dự án cho từng nhóm. Giáo viên yêu cầu học sinh phải làm việc cùng nhau để đạt được kết quả học tập chung. Để đạt hiệu quả, giáo viên có thể cho học sinh tự tìm “đồng đội” theo khả năng của bản thân, ví dụ những học sinh say mê

hội họa có thể vẽ tranh; học sinh có năng khiếu diễn có thể sân khấu hóa, ca hát, đọc thơ, vè; học sinh có khả năng về công nghệ thông tin có thể sử dụng powerpoint, canvas, video;,... Điều này giúp giáo viên tránh tình trạng áp đặt học sinh vào những nhóm chưa phù hợp với năng lực.

II. Tự học trên lớp

1. Hoạt động khởi động

Giáo viên căn cứ vào nội dung bài học để đưa ra gợi ý để học sinh cùng tham gia dẫn dắt vào tiết học cho học sinh thực hiện (ví dụ: dẫn chương trình trò chơi, tham gia trò chơi trắc nghiệm, trò chơi ô chữ, trò chơi thi hát, đố vui; đóng tình huống ngắn,...)

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Giáo viên định hướng học sinh tiếp cận văn bản theo các kỹ năng đọc hiểu đã học. Giáo viên phân chia tìm hiểu từng phương diện của văn bản tránh trình trạng nặng kiến thức vào một/ một nhóm học sinh. Giáo viên cần khuyến khích các em sử dụng đa dạng các hình thức để tiếp cận văn bản.

Học sinh phát triển năng lực tự học qua các hoạt động: trả lời phát vấn, phát biểu cảm nhận, suy nghĩ cá nhân, bình tranh; thảo luận nhóm; nhận xét bài làm của bạn để tự rút kinh nghiệm cho bản thân; tranh biện, phản biện; thuyết trình, biểu diễn tiểu phẩm,...

3. Hoạt động luyện tập, củng cố, vận dụng

Sau mỗi bài học, giáo viên sẽ khắc sâu nội dung văn bản, bài học cuộc sống được rút ra từ văn bản bằng một chủ đề. Giáo viên cần đa dạng cách đưa chủ đề trải nghiệm. Có thể cho học sinh xem một clip, một video, cung cấp thông tin về một cuốn sách truyện, một hiện tượng, xu hướng trong đời sống,...

Học sinh vận dụng kiến thức đã học để giới thiệu về chủ đề (vẽ tranh, viết một vài dòng chia sẻ, xây dựng đoạn video, sáng tác thơ, biểu diễn tiểu phẩm, ca múa nhạc,... lên mạng xã hội hoặc để trình bày trong các tiết ôn tập, hoạt động trải nghiệm).

Học sinh không nhất thiết phải hoàn thành luôn bài tập trải nghiệm trên lớp mà có thể về nhà làm dưới dạng bài tập dự án của cá nhân/nhóm.

CHƯƠNG III. VẬN DỤNG THỰC HÀNH THIẾT KẾ BÀI HỌC VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC

I. Địa điểm thực nghiệm

Tại trường THCS nơi tôi giảng dạy trong năm học 2025 - 2026.

II. Thời gian thực nghiệm

Thời gian tôi tiến hành biện pháp thực nghiệm bắt đầu từ đầu năm học (tháng 12/2025) đến nay (tháng 4/2026).

III. Khách thể thực nghiệm

Tôi đã nhờ 01 đồng nghiệp ở trường cùng áp dụng biện pháp này với tất cả đối tượng học sinh lớp 7A1, 7A2 (áp dụng đại trà với hai lớp có số lượng học sinh và sức học ngang nhau).

IV. Vận dụng thực hành thiết kế bài học và tổ chức dạy học

1. Cách thức tiến hành

Thực hiện bài khảo sát ban đầu để đánh giá chất lượng, thái độ và ý thức học sinh đối với môn Ngữ văn. Sau một thời gian thực hiện, tiến hành kiểm tra lại để lấy kết quả.

2. Một số giờ học cụ thể áp dụng các biện pháp nhằm phát huy năng lực tự học cho học sinh.

Dưới đây là một số giờ học tôi áp dụng dạy học phát triển năng lực tự học thông qua các tiết học văn bản thông tin.

2.1. Văn bản Hội lòng tổng – Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Tử (Thời gian thực hiện 1 tiết)

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã giao nhiệm vụ cho từng học sinh, từng tổ (nhóm), học sinh được lựa chọn nhóm, hình thức trình bày sản phẩm tùy theo năng lực của bản thân, của nhóm mình. Cụ thể:

- Nhóm 1: Giới thiệu về nhóm tác giả, tác phẩm
- Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của văn bản thông tin: đặc điểm, vai trò của các yếu tố trong văn bản thông tin
- Nhóm 3: Khái quát đặc điểm của hội lòng tổng được giới thiệu trong văn bản (thời gian, địa điểm, hoạt động,...).
- Nhóm 4: Tìm hiểu một nghi thức em ấn tượng nhất
- Nhóm 5: Giới thiệu thêm một số lễ hội của đồng bào dân tộc
- Nhiệm vụ cá nhân: Mỗi học sinh tự hoàn thành phiếu học tập.

b) Tiến trình giờ học:

Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	Giáo viên tổ chức học sinh tham gia trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” (Nhìn hình đoán tên lễ hội).	- 1 học sinh dẫn chương trình. - Học sinh khác tham gia chơi.
2. Hình thành kiến thức	- Giáo viên tích hợp kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sản phẩm của học sinh. - Giáo viên nhận xét, chốt ý, cho điểm. - Giáo viên hướng dẫn học sinh khai thác nội dung văn bản, rèn kỹ năng, tích hợp giáo dục kỹ năng sống.	- Đại diện các nhóm 2,3,4 lên trình bày sản phẩm dự án của nhóm mình. + Nhóm 1: Giới thiệu nhóm tác giả, tác phẩm bằng hình thức phỏng vấn. + Nhóm 2: Sử dụng bảng biểu tìm hiểu các yếu tố hình thức của văn bản thông tin thể hiện trong văn bản. + Nhóm 3: Sử dụng sơ đồ tư duy khái quát đặc điểm của hội Lồng tồng + Nhóm 4: Sân khấu hóa một nghi thức, mời một số học sinh nêu cảm nhận khi xem nghi thức đó. - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét, nêu cảm nhận. - Học sinh thảo luận nhóm cặp, trả lời cá nhân.
3. Luyện tập	- Giáo viên tổ chức cho học sinh nhóm 5 trình bày giới thiệu một số lễ hội của người dân tộc. - Giáo viên nhận xét cho điểm.	- Đại diện nhóm 5 giới thiệu một số lễ hội của người dân tộc qua clip. - Các học sinh quan sát, lắng nghe.
4. Vận dụng,	Giáo viên tổ chức học	Học sinh vẽ tranh, viết một vài dòng

trải nghiệm	sinh trải nghiệm theo chủ đề “Việt Nam – đi để trải nghiệm”	chia sẻ, xây dựng đoạn video, sáng tác thơ, biểu diễn tiêu phẩm, ca múa nhạc,... về vẻ đẹp của lễ hội ở Việt Nam.
5. Dẫn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau	Học sinh xây dựng kế hoạch để hoàn thành bài tập.

c) Một số hình ảnh sản phẩm dự án của học sinh (Xem phụ lục 3.1).

2.2. Văn bản “Thủy Tiên tháng một” – Thơ-mát L.Phrit-man (thời gian thực hiện: 2 tiết)

Tiết 1

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã giao nhiệm vụ cho từng học sinh, từng tổ (nhóm), học sinh được lựa chọn nhóm, hình thức trình bày sản phẩm tùy theo năng lực của bản thân, của nhóm mình. Cụ thể:

- Nhóm 1: Giới thiệu về tác giả Thơ-mát L.Phrit-man
- Nhóm 2: Giới thiệu khái quát về văn tác phẩm “Thủy tiên tháng một”.
- Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của văn bản thông tin: Các yếu tố, đặc điểm, vai trò của các yếu tố trong văn bản thông tin.
- Nhiệm vụ cá nhân: Mỗi học sinh tự hoàn thành phiếu học tập.

b) Tiến trình giờ học

Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	Giáo viên cho học sinh xem một đoạn thời sự, yêu cầu học sinh xác định vấn đề được đề cập đến trong đoạn thời sự và cảm nhận của mình về đoạn thời sự đó.	- Học sinh quan sát, xác định vấn đề. - Học sinh nêu cảm nhận.
2. Hình thành kiến thức	Giáo viên tích hợp kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sản phẩm dự án của học sinh.	Đại diện các nhóm lên trình bày sản phẩm dự án của nhóm mình. + Nhóm 1: Thiết kế 1 trang báo giới thiệu về tác giả. + Nhóm 2: Giới thiệu khái quát về tác phẩm (hình thức giới

		thiệu cuốn sách) - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét, tham gia trò chơi
	Giáo viên tổ chức cho học sinh đặc điểm hình thức của văn bản thông tin.	- Đại diện nhóm 3 thuyết trình về đặc điểm của văn bản thông tin thể hiện trong văn bản bằng bảng biểu. - Các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung.
	Giáo viên tổ chức học sinh tìm hiểu về cách đặt vấn đề của tác giả (Liên hệ với các văn bản thông tin đã học ở lớp 6: Các loài chung sống với nhau như thế nào?)	Học sinh trả lời phát vấn đề thấy được sự khác nhau giữa đặt vấn đề trực tiếp và gián tiếp.
3. Luyện tập, vận dụng, trải nghiệm	GV tổ chức HS tham gia trò chơi dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm.	Học sinh tham gia chơi.
4. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: Thủy tiên tháng một (tiếp)	Học sinh lập kế hoạch, phân công công việc.

Tiết 2

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã giao nhiệm vụ cho từng học sinh, từng tổ (nhóm), học sinh được lựa chọn nhóm, hình thức trình bày sản phẩm tùy theo năng lực của bản thân, của nhóm mình. Cụ thể:

- Nhóm 4: Tìm hiểu về sự biến đổi khí hậu và tác động của nó.
- Nhóm 5, 6: Biện pháp để bảo vệ môi trường.
- Nhiệm vụ cá nhân: Mỗi học sinh tự hoàn thành phiếu học tập.

b) Tiến trình giờ học

Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	Giáo viên tổ chức học sinh tham gia trò chơi củng cố kiến thức ở tiết học trước.	<ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh dẫn chương trình. - Học sinh khác tham gia trò chơi.
2. Hình thành kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tích hợp kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sản phẩm dự án của học sinh. - Giáo viên tổ chức cho học sinh Tìm hiểu về sự biến đổi khí hậu và tác động của nó. - Giáo viên hướng dẫn học sinh khai thác kỹ nội dung văn bản, rèn kỹ năng, tích hợp giáo dục kỹ năng sống. - Giáo viên tổ chức học sinh kể thêm một số nguyên nhân và hậu quả khác mà em biết (kết hợp liên hệ các hiện tượng biến đổi khí hậu ngay tại nơi em sinh sống). - Giáo viên tổ chức học sinh bình tranh về một tác 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhóm 4 xây dựng một đoạn phóng sự ngắn về nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu + bảng biểu. Sau khi trình bày học sinh mời các học sinh khác nêu suy nghĩ. - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét, trình bày suy nghĩ. - Học sinh trả lời cá nhân, thảo luận nhóm cặp. - Học sinh kể thêm số nguyên nhân và hậu quả của biến đổi khí hậu. - 2, 3 học sinh bình tranh.

	động của biến đổi khí hậu mà em ấn tượng nhất.	
3. Luyện tập, vận dụng, trải nghiệm	- Giáo viên tổ chức học sinh trải nghiệm theo chủ đề “Vì Trái Đất xanh mãi xanh” - Giáo viên mời học sinh nhận xét, GV nhận xét, cho điểm.	- Học sinh nhóm 5 giới thiệu chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn năm 2021 ở một số quốc gia. - Học sinh nhóm 6 vẽ tranh, làm sản phẩm tái chế, sáng tác, sưu tầm thơ, vè,...
	Giáo viên tổ chức học sinh đưa ra những biện pháp bảo vệ môi trường, liên hệ thực tế ngay trong nhà trường, gia đình.	Học sinh kể tên 1 số việc làm của bản thân như tắt đèn khi ra khỏi lớp, không xả rác,...
	GV kết lại bài bằng video nói về những con người hi sinh thầm lặng: những người dọn vệ sinh, thoát nước, xử lí tắc cống.	- HS xem clip. - HS chia sẻ cảm nhận, rút ra bài học cho bản thân.
4. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: Thực hành tiếng Việt	Học sinh lập kế hoạch, phân công công việc.

c. Một số hình ảnh sản phẩm dự án của học sinh (Xem phụ lục 3.2).

2.3. Văn bản “Lễ rửa làng của người Lô Lô” – Phạm Thùy Dung (Thực hiện trong 2 tiết)

Tiết 1

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã giao nhiệm vụ cho từng học sinh, từng tổ (nhóm), học sinh được lựa chọn nhóm, hình thức trình bày sản phẩm tùy theo năng lực của bản thân, của nhóm mình. Cụ thể:

- Nhóm 1: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm
- Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của văn bản
- Nhóm 3: Giới thiệu khái quát về lễ rửa làng

b) Tiến trình giờ học

Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	Giáo viên cho học sinh xem clip về vẻ đẹp Hà Giang. Giáo viên mời học sinh nêu cảm nhận về video vừa xem.	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xem clip. - Học sinh nêu cảm nhận.
2. Hình thành kiến thức	Giáo viên tích hợp kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sản phẩm dự án của học sinh giới thiệu về tác giả, tác phẩm. Hình thức: GV tổ chức cho HS tìm hiểu chung về tác giả qua hoạt động “Hoàn thiện hồ sơ người nổi tiếng”.	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm 1 lên trình bày sản phẩm dự án của nhóm mình. Hình thức: tái hiện thông tin nhân vật thông qua việc sáng tạo Facebook cá nhân tác giả (máy chiếu). - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét.
	Giáo viên tổ chức HS tìm hiểu về đặc điểm hình thức của văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm 2 lên thuyết trình về đặc điểm hình thức của văn bản bằng bảng biểu (So sánh với văn bản “Hội lồng tông” đã học ở kì 1 lớp 7) - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét.
	- Giáo viên tổ chức học sinh tìm hiểu đầu văn bản: giới thiệu khái quát về lễ rửa làng.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 3 trình bày phần giới thiệu về lễ rửa làng. + Video giới thiệu về người Lô Lô. + Sơ đồ tư duy khái quát về lễ rửa làng: tên gọi, người tổ chức, thời gian, phạm vi, mục đích) - Học sinh theo dõi, nhận xét bổ sung.

	- Giáo viên hướng dẫn học sinh khai thác kỹ nội dung văn bản, rèn kỹ năng, tích hợp giáo dục kỹ năng sống.	- Học sinh trả lời các câu phát vấn của giáo viên.
3. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: “Lễ rửa làng của người Lô Lô” (tiết 2)	Học sinh lập kế hoạch, phân công công việc.

Tiết 2

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã giao nhiệm vụ cho từng học sinh, từng tổ (nhóm), học sinh được lựa chọn nhóm, hình thức trình bày sản phẩm tùy theo năng lực của bản thân, của nhóm mình. Cụ thể:

- Nhóm 4: Giới thiệu về nét đẹp trong lễ hội
- Nhóm 5: So sánh văn bản *Thủy tiên tháng một* và văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô*
- Nhóm 6: Giới thiệu về các lễ hội ở Việt Nam
- Nhóm 7: Giới thiệu lễ hội ở địa phương em

b) Tiến trình giờ học

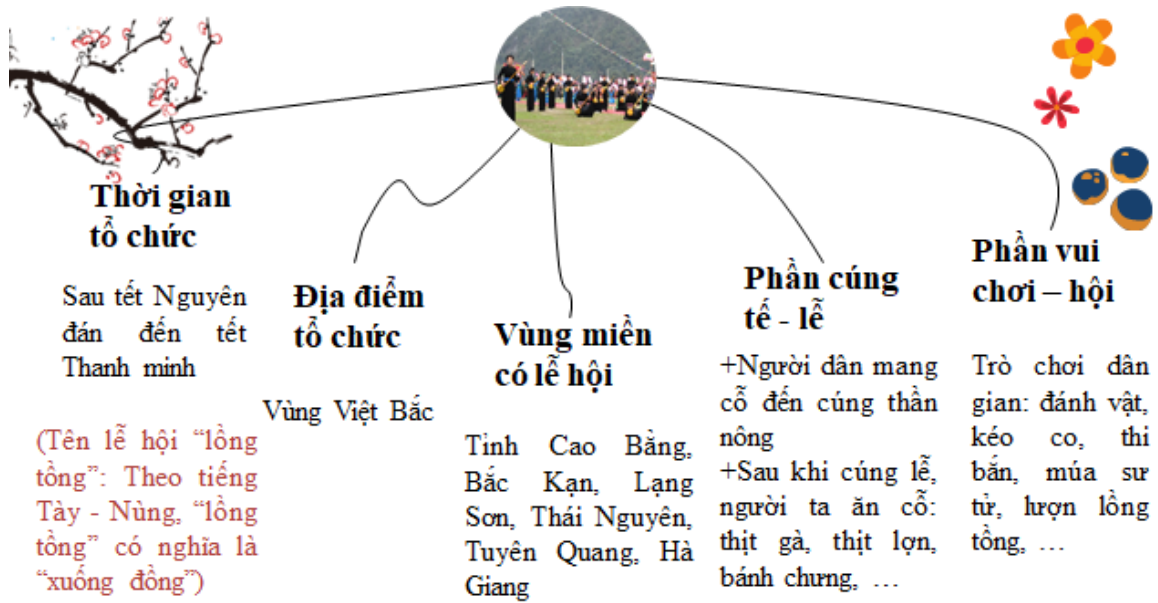
Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	Giáo viên tổ chức học sinh tham gia trò chơi “Chuyến xe vui vẻ” củng cố nội dung tiết học trước.	- 1 học sinh dẫn chương trình. - Học sinh khác tham gia chơi.
2. Hình thành kiến thức	- Giáo viên tổ chức học sinh giới thiệu về nét đẹp trong lễ rửa làng. - Giáo viên hướng dẫn học	- Nhóm 4 đóng hoạt cảnh hướng dẫn viên dẫn đoàn ghé thăm trường làng và người dân Lô Lô nghe họ chia sẻ về lễ rửa làng. - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét. - Học sinh thảo luận nhóm

	sinh khai thác kỹ nội dung văn bản, rèn kỹ năng, tích hợp giáo dục kỹ năng sống.	cặp, trả lời cá nhân.
	Giáo viên tổ chức học sinh so sánh 2 văn bản Thủy tiên tháng một và Lễ rửa làng của người Lô Lô.	- Nhóm 5 thuyết trình phân so sánh 2 văn bản bằng bảng biểu. - Các học sinh còn lại bổ sung, nhận xét.
3. Luyện tập, vận dụng, trải nghiệm sáng tạo	Giáo viên tổ chức học sinh trải nghiệm theo chủ đề “Việt Nam – văn hóa nghìn đời”	- Đại diện nhóm 6 giới thiệu về lễ hội ở Việt Nam. - Đại diện nhóm 7 giới thiệu về lễ hội ở địa phương.
4. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: Văn bản “Bản tin hoa anh đào”	Học sinh lập kế hoạch, phân công công việc.

c) Một số hình ảnh sản phẩm dự án của học sinh (Xem phụ lục 3.3).

3. Phụ lục

3.1. Sản phẩm văn bản “Hội lồng tồng”

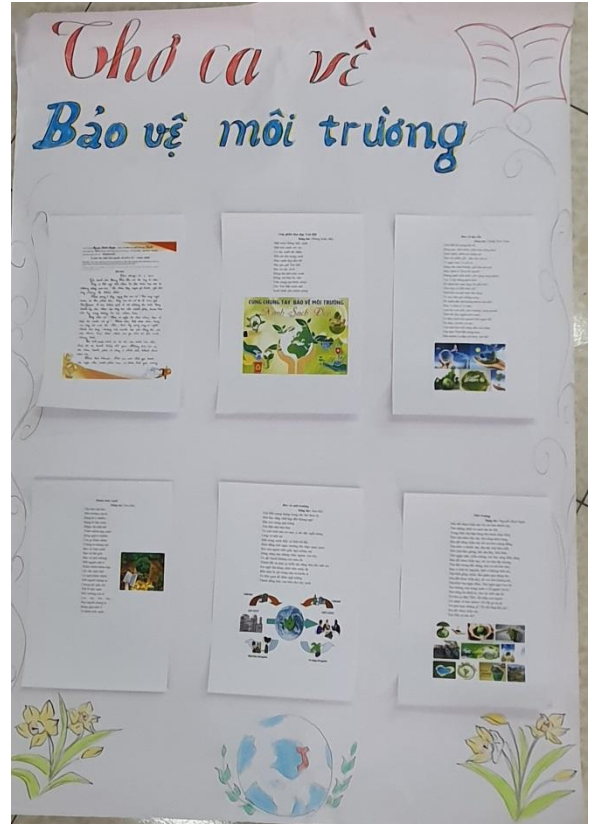


Sơ đồ tư duy về đặc điểm “Hội lồng tồng”



Tranh vẽ lễ hội

3.2. Sản phẩm văn bản Thủy tiên tháng một



Poster giới thiệu tác giả

Thơ ca về bảo vệ môi trường



Tranh vẽ bảo vệ môi trường

CHIẾN DỊCH LÀM CHO THẾ GIỚI SẠCH HƠN 2021
THẾ GIỚI CÙNG CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MỸ
 Mục tiêu cắt giảm 20% phát thải khí nhà kính của ngành hàng không vào năm 2030

NGA
 Yêu cầu các doanh nghiệp báo cáo lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, hướng tới quy định carbon

BỈ
 Áp dụng Ngày Chủ nhật không ô tô để khuyến khích người dân sử dụng xe đạp và giao thông công cộng

ICELAND
 Khởi động nhà máy lớn nhất thế giới thu carbon dioxide (CO₂) trong không khí và biến thành đá

TRUNG QUỐC
 Dự kiến mở rộng quy mô chiến dịch chống ô nhiễm không khí vào mùa Đông năm 2021 tại nhiều thành phố, công bố kế hoạch kiểm soát ô nhiễm nhựa trong 5 năm tới

SINGAPORE
 Nhập khẩu năng lượng tái tạo giúp đạt được các mục tiêu về khí hậu

ISRAEL
 Phát triển một hệ thống mới để sản xuất nhanh hydro (nhiên liệu sạch và tái tạo) từ nước, có thể giúp giảm chi phí đầu tư cho năng lượng

IRAQ
 Khởi động dự án cắt giảm lượng khí bị đốt bỏ trong quá trình khai thác dầu mỏ tại hai mỏ dầu ở miền Nam

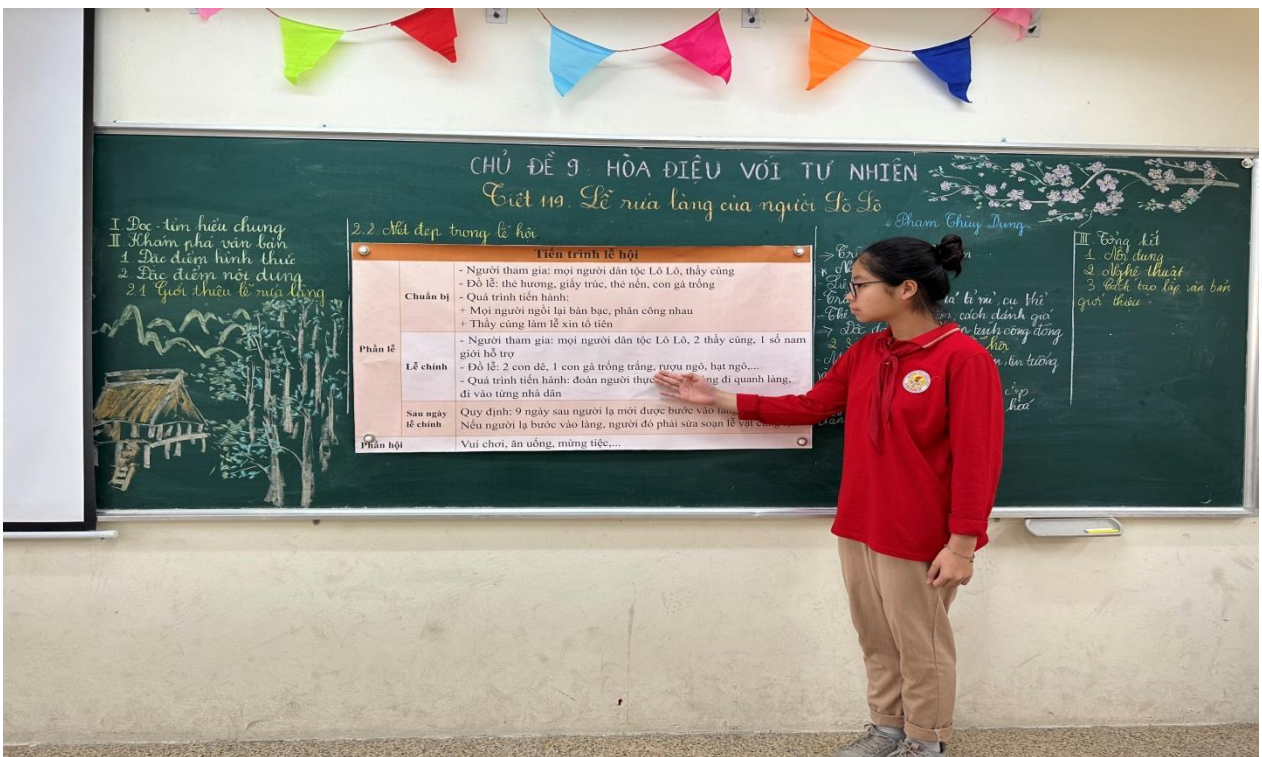
KENYA
 Tăng cường áp dụng công nghệ kỹ thuật số để ngăn chặn tình trạng phá rừng trộm trọng, khai thác gỗ bất hợp pháp

Sản phẩm tìm hiểu về chiến dịch làm thế giới sạch hơn năm 2021

3.3. Sản phẩm văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô



Sân khấu hóa phần hướng dẫn viên đưa đoàn thăm nhà trường làng Lô Lô



Thủy tiên tháng một Lễ rửa làng của người Lô Lô

Giống

- Đều là văn bản thông tin ✓
- Thể hiện giá trị văn hóa truyền thống.
- Có yếu tố miêu tả kết hợp với thuyết minh.

Khác

- Giới thiệu vẻ đẹp, ý nghĩa của hoa Thủy Tiên
- Phản ánh hậu quả của ô nhiễm môi trường
- Một nghi lễ truyền thống của người Lô Lô.
- Giới thiệu văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội cộng đồng.

Thủy tiên tháng một Lễ rửa làng của người Lô Lô

Giống

- Đều là văn bản thông tin ✓
- Thể hiện giá trị văn hóa truyền thống.
- Có yếu tố miêu tả kết hợp với thuyết minh.

Khác

- Giới thiệu vẻ đẹp, ý nghĩa của hoa Thủy Tiên
- Phản ánh hậu quả của ô nhiễm môi trường
- Một nghi lễ truyền thống của người Lô Lô.
- Giới thiệu văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội cộng đồng.

	<p>Thủy tiên tháng Một</p>	<p>Lễ rửa làng của người Lô Lô</p>
<p>Giống</p>	<p>- Cùng là văn bản thông tin, sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ</p> <p>- Hướng tới ý thức bảo tồn</p> <p><i>- Giữ gìn tốt sông - hoa điều và thiên nhiên</i></p>	
<p>Khác</p>	<p>- Mang tính cảnh báo về biến đổi khí hậu</p> <p>- Chuột ngữ, số liệu chính xác</p> <p>- Trình tự nguyên nhân - kết quả</p>	<p>- Giới thiệu nghi lễ - tuyên thông</p> <p>- Ngôn ngữ giàu hình ảnh</p> <p>- Tinh tự thời gian dễ hiểu</p>

Bảng so sánh văn bản Thủy tiên tháng một và Lễ rửa làng của người Lô Lô



Học sinh giới thiệu lễ hội ở Việt Nam và ở địa phương



Sản phẩm tìm hiểu văn hóa dân tộc thiểu số

V. Kết quả thực nghiệm

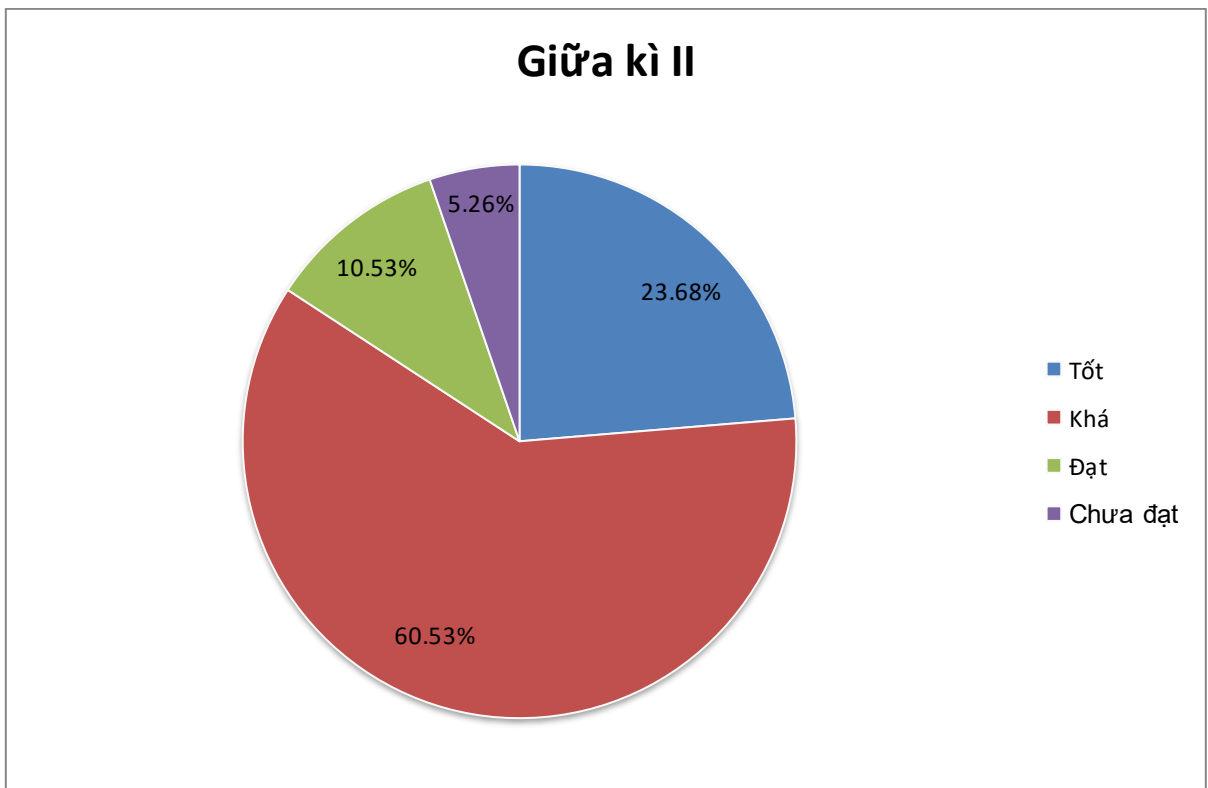
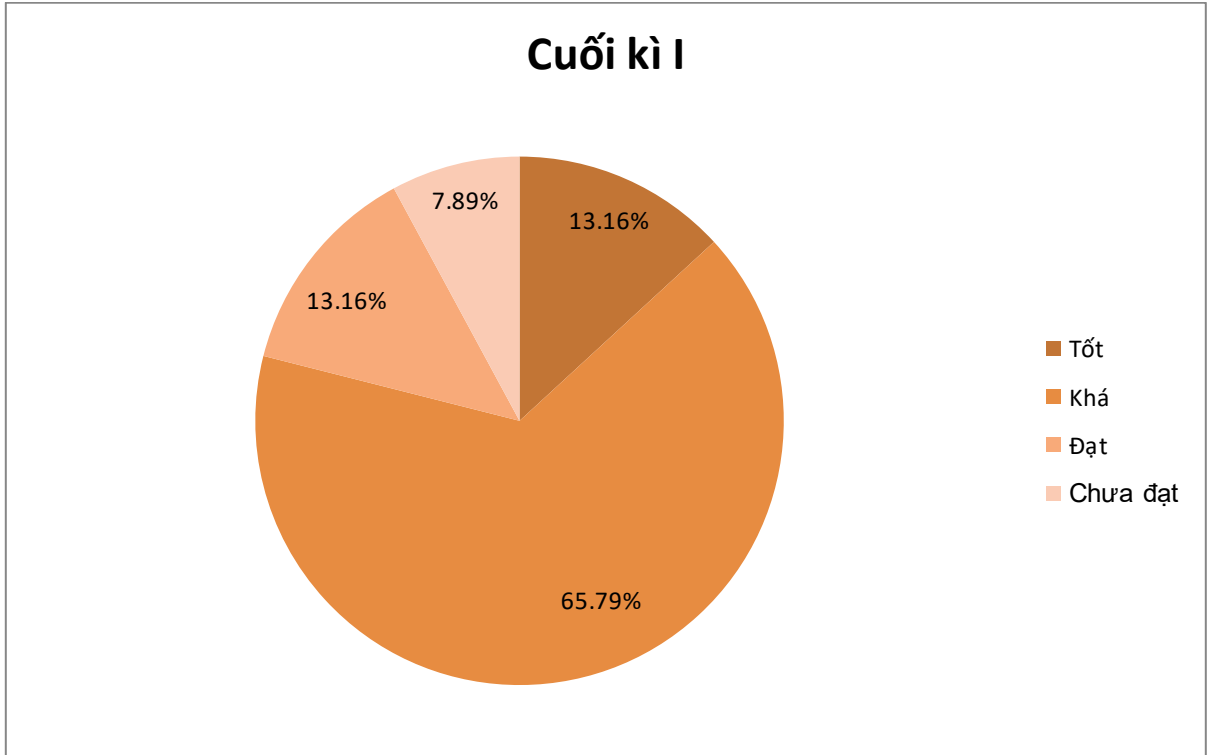
Sau 03 tháng tiến hành áp dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực tự học của học sinh, kết quả thực nghiệm thu được 2 lớp tôi và đồng nghiệp áp dụng rất khả quan.

Học sinh dành thời gian đọc, tiếp cận văn bản nhiều hơn, các em phải tìm tòi, suy nghĩ để chuẩn bị bài có hiệu quả, tạo cho học sinh tính nhạy bén, năng động, sáng tạo và hứng thú với giờ học văn. Từ đó vận dụng kiến thức vào thực tế tốt hơn. Mặt khác, hạn chế tối đa thời gian “chết” đối với học sinh, không để cho các em có cơ hội tham gia vào các hoạt động vô bổ ngoài giờ học.

Cụ thể:

Nội dung khảo sát	Tiết học sử dụng phương pháp dạy học truyền thống	Tiết học sử dụng phương pháp dạy học phát triển năng lực tự học
Mức độ chuẩn bị bài của cá nhân/ nhóm HS.	35,5%	85,5%
Mức độ hiểu bài	75,5%	90,1%
Sự hứng thú trong quá trình học tập	63,3%	93,3%
Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn sau giờ học	73,1%	89,8%
Năng lực hợp tác của HS	50,2%	90,8%
Năng lực thuyết trình, biểu diễn, sáng tạo,...	18,7%	40,4%

Kết quả học tập của lớp 7A1 do tôi giảng dạy



C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. Kết luận

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nói: “Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý, nghề sáng tạo nhất trong các nghề sáng tạo”. Người thầy giáo vinh dự đã lớn nhưng trọng trách lại càng nặng nề, tính chuẩn mực, mô phạm đòi hỏi càng cao, người thầy giáo phải là “Tám gương cho học trò noi theo”. Vì thế muốn học trò sáng tạo, người thầy phải là “người tiên phong” trong sự sáng tạo. Là “kỹ sư tâm hồn”, “người kiến tạo tương lai”, người thầy đóng vai trò kích thích để phát triển các khả năng tiềm ẩn của học sinh. Vì vậy việc giúp học sinh phát triển năng lực tự học giúp các em không chỉ lĩnh hội tri thức mà còn khám phá chính mình.

1. Mỗi học sinh là một cá thể không giống nhau, khả năng tiếp nhận kiến thức cũng khác nhau. Có những học sinh không có năng khiếu môn Ngữ văn nhưng thông qua việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực tự học ít nhiều cũng giúp học sinh có hứng thú hơn, tự tin hơn trong giờ học văn, khiến các em không có cảm giác mình là “người thừa”.

2. Văn bản thông tin tương đối khô khan, nếu giáo viên chỉ giảng dạy truyền tải nội dung để làm cho các em thấy nhàm chán. Khi giáo viên giao nhiệm vụ, định hướng nội dung công việc để học sinh chủ động tìm tòi, khám phá, sưu tầm tư liệu từ nhiều phương tiện khác nhau không chỉ khiến các em hiểu, nhớ nội dung của văn bản được học mà còn giúp các em rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp, ứng dụng công nghệ thông tin, thuyết trình, hợp tác, hội họa,....

3. Có rất nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại đang ngày càng được áp dụng phổ biến, đại trà hơn vào các giờ lên lớp bộ môn Ngữ Văn. Để giờ học văn diễn ra đạt được nhiều hiệu quả, người giáo viên cần linh hoạt phối kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học đó. Tôi hi vọng rằng ***Một số giải pháp phát triển năng lực tự học của học sinh thông qua các tiết học Văn bản thông tin*** sẽ mang lại những chuyển biến rõ rệt, không chỉ có tác dụng đối với phần văn bản thông tin mà còn có tác dụng trong tất cả các tiết học Ngữ văn.

II. Khuyến nghị

Tuy nhiên, hạn chế của việc sử dụng biện pháp này chính là cần đến sự đầu tư về thời gian của cả học sinh và giáo viên. Học sinh cần tập luyện, thảo luận còn giáo viên cần kiểm tra, góp ý cho học sinh trước khi bắt đầu tiết học nếu không rất

để xảy ra tình trạng có những sản phẩm kém chất lượng, làm mất thời gian hoặc không phù hợp khi dạy học Ngữ văn.

Tôi đề xuất những phương hướng khắc phục hạn chế như sau:

- Giáo viên cần phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nắm chắc lí luận dạy học bộ môn Ngữ văn và vận dụng vào dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo. Cần đầu tư thời gian, công sức, tìm tòi và hướng dẫn học sinh cách tự học một cách có hiệu quả nhất, kiểm tra sản phẩm của học sinh trước khi bắt đầu tiết học. .

- Học sinh cần tích cực, chủ động khi được giao nhận nhiệm vụ, có thái độ hợp tác, phối kết hợp với nhau để cùng đưa ra giải pháp cho sản phẩm của mình...

- Về phía nhà trường: Nên tổ chức các buổi thảo luận, trao đổi kinh nghiệm, các câu lạc bộ về nội dung tự học để giáo viên có cơ hội trao đổi, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học và để học sinh giữa các lớp trao đổi kinh nghiệm với nhau.

Một số giải pháp phát triển năng lực tự học của học sinh trên được tôi rút ra từ những kinh nghiệm của bản thân sau thời gian đứng lớp. Tự ý thức bài viết còn nhiều thiếu sót, tôi rất mong được các bạn bè đồng nghiệp góp ý, bổ sung để tôi có thể hoàn thiện bản thân hơn, đồng thời được học hỏi thêm những kinh nghiệm khác để truyền dạy cho học trò của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Ngũ Hiệp ngày 01 tháng 4 năm 2026

*Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến kinh nghiệm của tôi,
không sao chép nội dung của người khác.*

Tác giả

Trương Thanh Hằng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2016) , *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Ngữ Văn THCS, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Kết nối tri thức với cuộc sống, *Ngữ Văn 7, tập 1-2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THCS môn Ngữ Văn*, NXB Giáo dục.
6. Nguyễn Viết Chữ (2005), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương theo loại thể*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Nguyễn Viết Chữ (2010), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.
8. Dự án Việt – Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
9. Bùi Minh Đức (2015), *Đổi mới dạy học tác phẩm văn chương ở trường trung học phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
10. Tường Duy Hải (chủ biên, 2017), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ Văn THCS*.
11. Phạm Thị Thu Hương (chủ biên, 2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ Văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
12. Phan Trọng Luận (chủ biên, 2012), *Phương pháp dạy học văn, tập 1*, NXB Đại học Sư phạm.
13. Nguyễn Khắc Phi (chủ biên, 2011), *Dạy - học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng Ngữ Văn 9*, NXB Giáo dục Việt Nam.
14. Nguyễn Cảnh Toàn (2002), *Học và dạy cách học*.
15. Nguyễn Cảnh Toàn (2009), *Tự học như thế nào cho tốt*.